

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1221~~ /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Nam
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 3979/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020; Báo cáo thẩm định số 3798/BC-HĐTD ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 96/BC-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi ranh giới quy hoạch:

- Phần lãnh thổ tỉnh Quảng Nam với diện tích tự nhiên là 10.574,74 km² và đường bờ biển dài trên 125 km với vùng đặc quyền kinh tế rộng hơn 40.000km².

+ Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng.

+ Phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum.

+ Phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

+ Phía Đông giáp Biển Đông.

- Tọa độ tỉnh Quảng Nam: từ 107°12'40" đến 108°44'20" kinh độ Đông, từ 14°57'10" đến 16°03'50" vĩ độ Bắc.

- Ranh giới nghiên cứu các khu vực bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp bao gồm toàn bộ vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) miền Trung, Tây Nguyên, Hành lang Đông - Tây 2 và tỉnh Sekong (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

2. Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa và phù hợp với các nội dung định hướng Chiến lược phát triển đất nước thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước; quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng KTTĐ miền Trung, các quy hoạch ngành quốc gia, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành và các quy hoạch đã được phê duyệt liên quan đến địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành trên địa bàn tỉnh; phát triển hài hòa các địa phương, vùng lãnh thổ trên địa bàn; phân bổ, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường và bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên; đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Đánh giá đầy đủ giá trị địa kinh tế - chính trị, vị thế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam; xu hướng phát triển, tiềm năng, lợi thế; tác động của các điều kiện và bối cảnh từ bên ngoài đến phát triển của tỉnh;

- Đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân;

- Đảm bảo tính khả thi và thích ứng trong triển khai, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050;

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch giúp cho quá trình hỗ trợ ra quyết định trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Mục tiêu lập quy hoạch:

- Là công cụ pháp lý trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công trên địa bàn tỉnh;
- Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo ảnh hưởng đến đầu tư phát triển; giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn tỉnh hiện nay và định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài;
- Đảm bảo đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Nam để phát triển nhanh và bền vững;
- Đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá chiến lược; hướng tới phát triển bền vững trên cả ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường;
- Công khai để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, kinh doanh, sinh sống và làm việc cũng như kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

c) Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Tuân thủ các quy trình, nguyên tắc, nội dung theo Luật Quy hoạch, Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên;
- Đánh giá chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước; các quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã phê duyệt thời kỳ trước. Chủ động phối hợp, cập nhật thông tin trong quá trình lập quy hoạch tỉnh với quy hoạch cấp cao hơn để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch;
- Đảm bảo thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới trên bộ, bảo vệ chủ quyền biển đảo, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia. Các phân tích, đánh giá và định hướng phát triển phải được dựa trên mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, kết nối liên ngành, lĩnh vực và liên vùng;
- Đảm bảo tính bền vững và dài hạn trong lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Đảm bảo tính thị trường trong việc huy động các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực;

- Liên kết không gian, thời gian trong quá trình lựa chọn các công cụ sử dụng trong hoạt động quy hoạch. Đảm bảo tính khoa học, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đảm bảo điều kiện và nguồn lực phản ứng nhanh khi xảy ra các sự cố về thiên tai, dịch bệnh, sự cố có tính thảm họa;

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng. Các nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

3. Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch

a) Nội dung của quy hoạch:

Nội dung Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Quảng Nam;

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;

- Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ, thành phố, thị xã và các thị trấn trên địa bàn;

- Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phương án phát triển các cụm công nghiệp;

- Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư;

- Xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực của tỉnh;

- Phương án phát triển mạng lưới giao thông; mạng lưới cấp điện, dự trữ cung ứng xăng dầu, khí đốt; mạng lưới viễn thông; mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; mạng lưới thu gom rác thải và các khu xử lý chất thải; mạng lưới chiếu sáng đô thị, hạ tầng dung chung và quy hoạch ngầm đô thị.

- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội; phương án phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.
- Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;
- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;
- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh;
- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
- Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Xây dựng danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;
- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.

b) Phương pháp lập quy hoạch:

Hệ thống các phương pháp lập quy hoạch phải bảo đảm tính tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực; đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại. Các phương pháp cơ bản sau được sử dụng trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh Quảng Nam:

- Phương pháp thống kê;
- Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- Phương pháp chồng lớp bản đồ, công cụ GIS;
- Phương pháp dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược;
- Phân tích hệ thống, so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu;
- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo;
- Phương pháp lựa chọn ngành ưu tiên đầu tư, ưu tiên phát triển;
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình lập quy hoạch tỉnh.

4. Thời hạn lập quy hoạch

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tổ chức lập và hoàn thành lập quy hoạch trong thời hạn không quá 24 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

5. Thành phần hồ sơ quy hoạch

a) Phần văn bản:

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Nam;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Quảng Nam kèm theo các sơ đồ, bản đồ thu nhỏ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Báo cáo các nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh Quảng Nam;
- Các phụ lục và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Quảng Nam.
- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
 - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển.
 - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.
 - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.
 - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.
 - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
 - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
 - + Một số bản đồ chuyên đề khác.
 - + Hệ thống bản đồ theo từng nội dung tích hợp.
 - + Xử lý tích hợp bản đồ vào hệ thống thông tin quy hoạch quốc gia.
- Các sơ đồ nghiên cứu phân tích quy hoạch.
- Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển các khu vực trọng điểm của tỉnh tỷ lệ 1:10.000-1:25.000 (nếu có).

c) Cơ sở dữ liệu Quy hoạch (đĩa CD)

6. Chi phí lập quy hoạch

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam:

a) Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch và phù hợp quy định của pháp luật liên quan.

b) Quy định cụ thể về số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam triển khai thực hiện lập quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

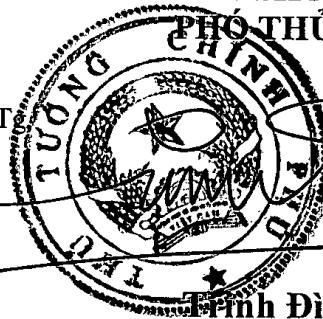
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg, TGD Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, QHĐP (3). 42

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Đình Dũng